Bảng tham khảo nhanh số ngày thu gom rác theo

Nếu địa chỉ của bạn nằm trong một vùng đất,ngày thu thập có thể khác với những ngày được liệt kê

tên thị trấn		quận	chất thải dễ cháy	rác không cháy được	Lon / chai	chai nhựa và nhựa PET
あ	あそなか 麻生中	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		A2		thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng		thứ 6 hàng tuần
い	いしざい 石　才	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		A2		thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng		thứ 6 hàng tuần
		B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
		B2		thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng		thứ 5 hàng tuần
う	うみづか 海　塚	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
	うらだ 浦　田	B2		thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng		thứ 5 hàng tuần
お	おうじ 王　子	A2	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 6 hàng tuần
		B2	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 5 hàng tuần
	おおかわ 大　川	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
か	かじ 加　治	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
	かしん 加　神	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng		thứ 2 hàng tuần
		B2		thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng		thứ 5 hàng tuần
き	きたちょう 北　町	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
	きびたに 杞　谷	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
く	くぼ 久　保	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
	くぼた 窪　田	B2	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng		thứ 5 hàng tuần
こ	こうざき 神　前	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
	こぎちょう 近木町	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng		thứ 2 hàng tuần
	こ　せ 小　瀬	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng		thứ 2 hàng tuần
	こつみ 木　積	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		A2		thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng		thứ 6 hàng tuần
さ	さわ 澤	B2	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng	thứ tu của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 5 hàng tuần
し	じぞうどう 地蔵堂	A2	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 6 hàng tuần
		B2	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 5 hàng tuần
	しんまち 新　町	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng		thứ 2 hàng tuần
せ	せちご 清　児	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		A2		thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng		thứ 6 hàng tuần

tên thị trấn		quận	chất thải dễ cháy	rác không cháy được	Lon / chai	chai nhựa và nhựa PET
そ	そぶら 蒼　原	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
つ	つ だ 津　田	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
つ	つつみ 堤	A2	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 6 hàng tuần
		B2	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 5 hàng tuần
と	と ば 鳥　羽	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
な	なかちょう 中　町	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
	ながよし 永　吉	B1		thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
	なごせ 名　越	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		A2		thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng		thứ 6 hàng tuần
に	に い 新　井	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
	にしき 二　色	B2	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 5 hàng tuần
	にしちょう 西　町	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
は	はしもと 橋　本	A2	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 6 hàng tuần
		B2	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 5 hàng tuần
	はたけなか 畠　中	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
		B2		thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng		thứ 5 hàng tuần
	ば ば 馬　場	A2	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 6 hàng tuần
	はんだ 半　田	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
ひ	ひがし 東	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
	ひがしやま 東　山	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
ふ	ふくだ 福　田	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
ほ	ほり 堀	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
み	みかやま 三ヶ山	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
	みずま 水　間	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		A2		thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng		thứ 6 hàng tuần
	みつまつ 三ツ松	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		A2		thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng		thứ 6 hàng tuần
	みなみちょう 南　町	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần

tên thị trấn		quận	chất thải dễ cháy	rác không cháy được	Lon / chai	chai nhựa và nhựa PET
も	もり 森	A1	thứ 2 và thứ 5 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 2 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 1 và thứ 3 hàng tháng	thứ 3 hàng tuần
		A2		thứ tư củ tuầ thứ 4 hàng tháng		thứ 6 hàng tuần
わ	わきはま 脇　浜	B1	thứ 3 và thứ 6 hàng tuần	thứ tư củ tuầ thứ 1 hàng tháng	thứ tư của tuầ thứ 2 và thứ 4 hàng tháng	thứ 2 hàng tuần
		B2		thứ tư củ tuầ thứ 3 hàng tháng		thứ 5 hàng tuần

Vui lòng bỏ rác trước 8：45 sáng vào ngày quy định trong tuần.

Có những ngày cuối năm,lễ tết không thu gom

Vui lòng xem quan hệ công chúng của thành phố Kaizuka.